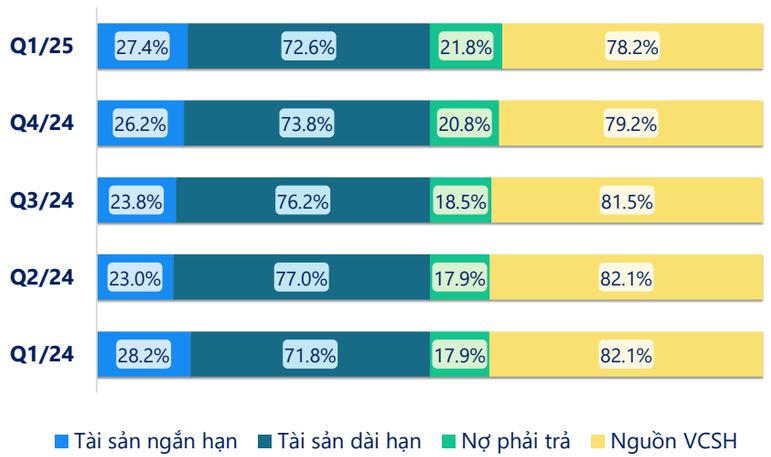
FireAnt

CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land (HSX: KHG)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	5,470
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,540
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,120
SL cổ phiếu LH	449,435,205
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,521,680
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,458
P/E	41.6
EPS	132

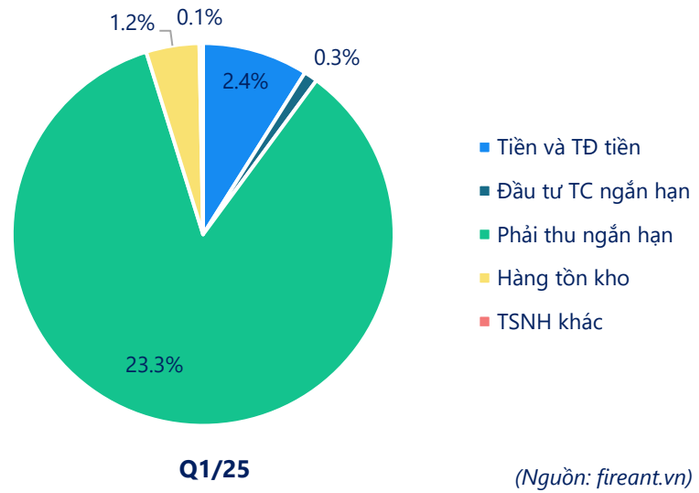
	YTD	1T	3T	6T
KHG	-1.8%	0.2%	-3.7%	2.2%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



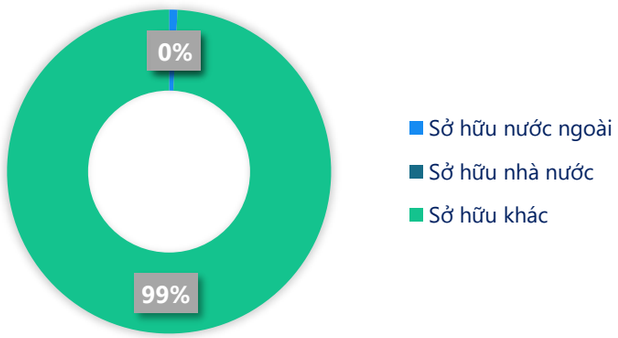
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



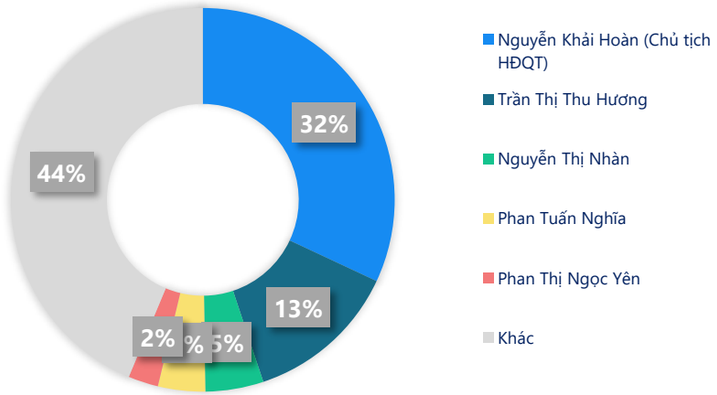
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



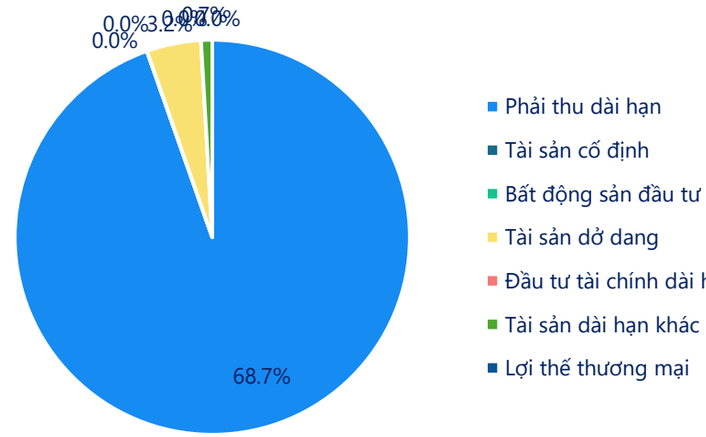
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

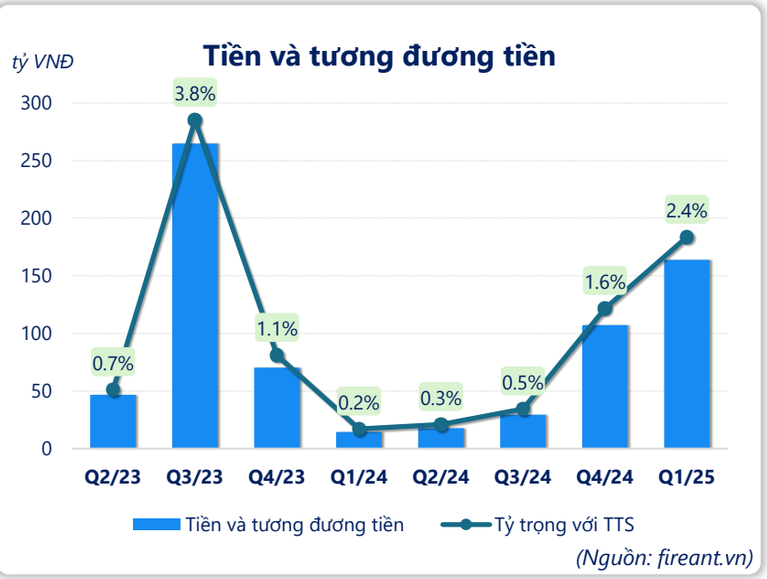
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



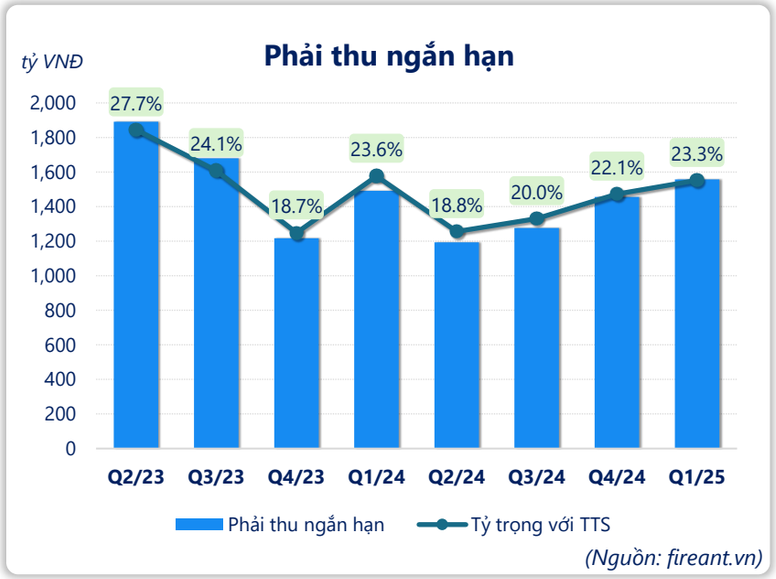
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

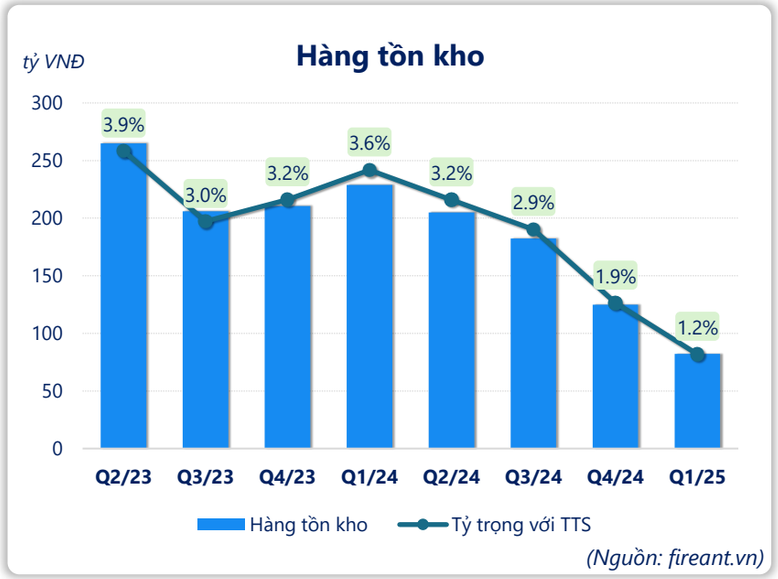
CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land (HSX: KHG)



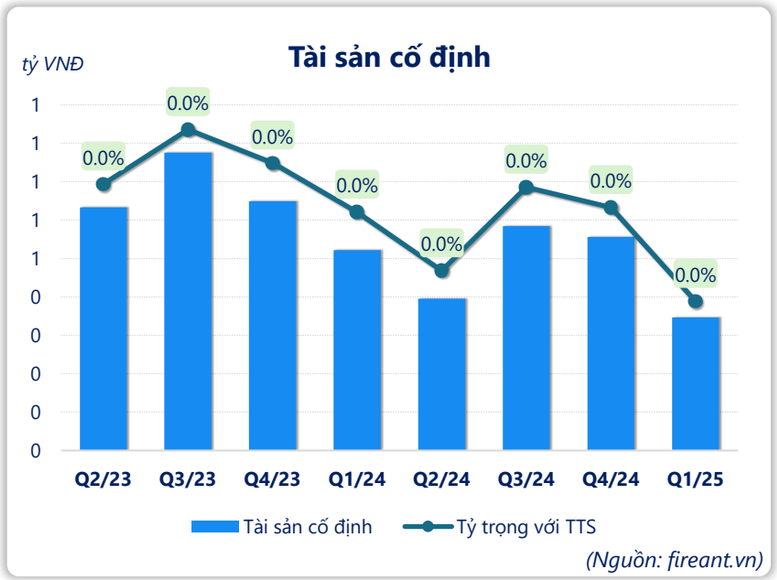
(Nguồn: fireant.vn)



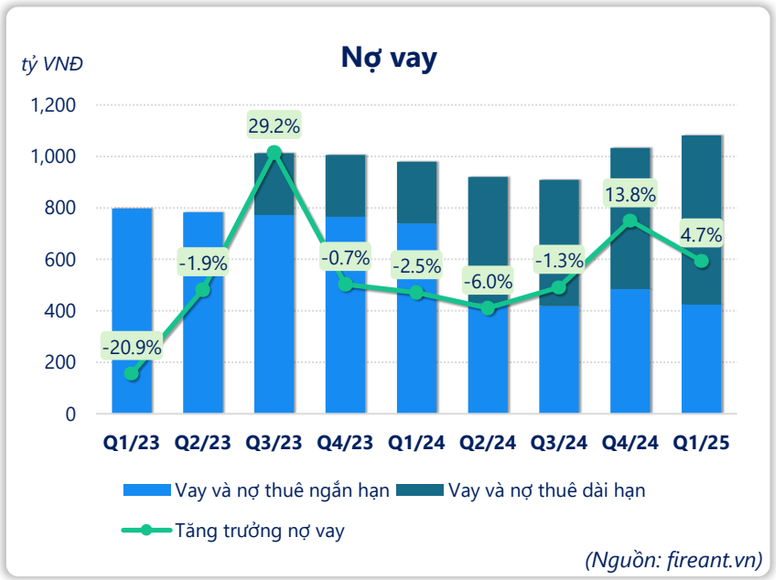
(Nguồn: fireant.vn)



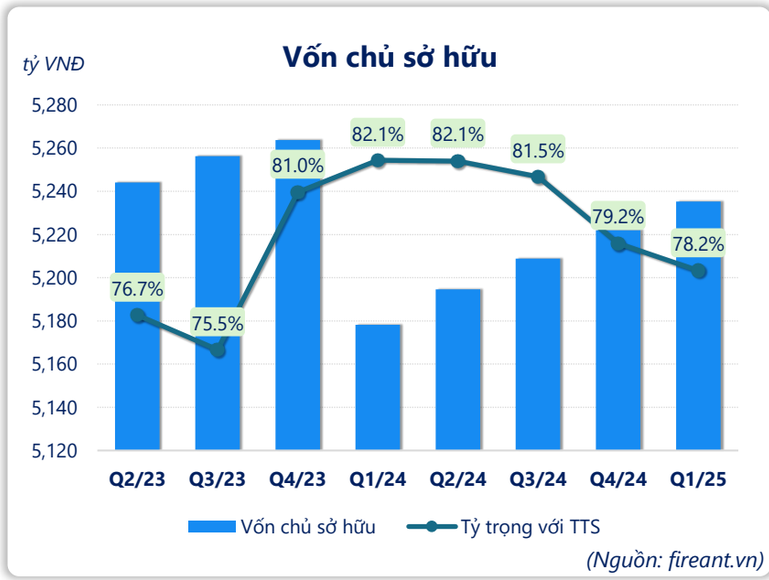
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

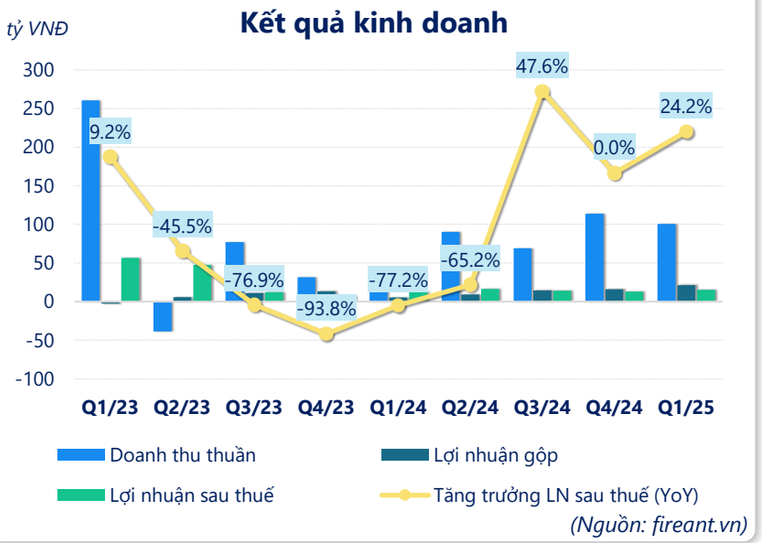


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

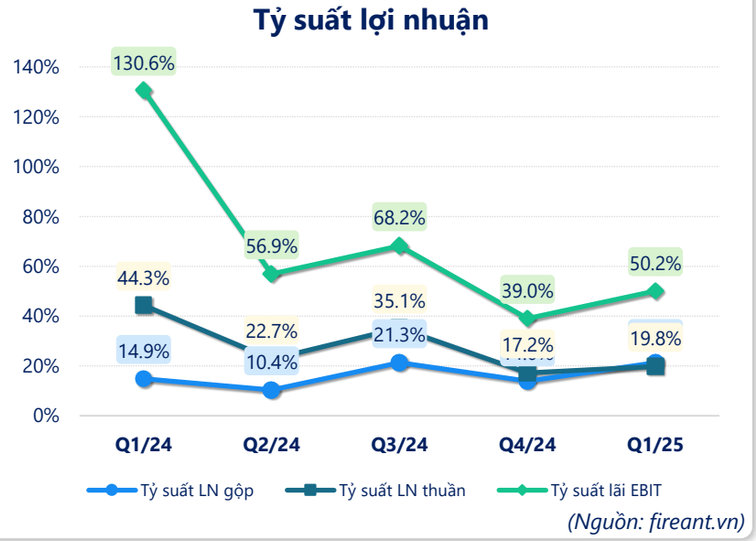
CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land (HSX: KHG)

Kết quả kinh doanh



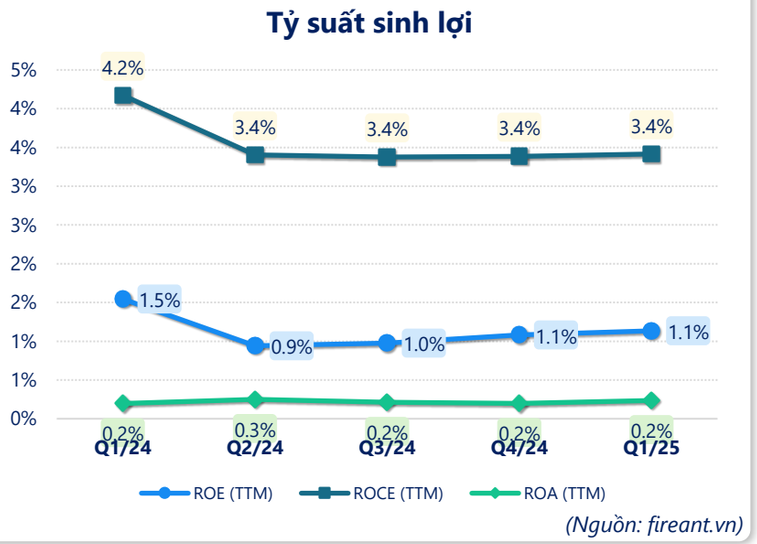
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



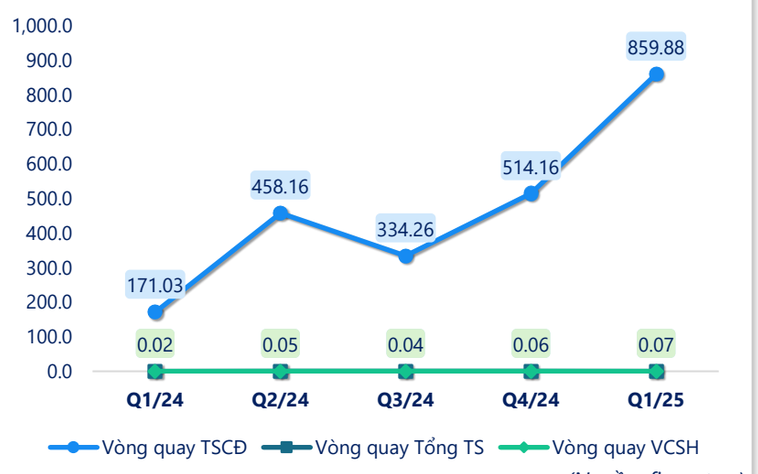
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



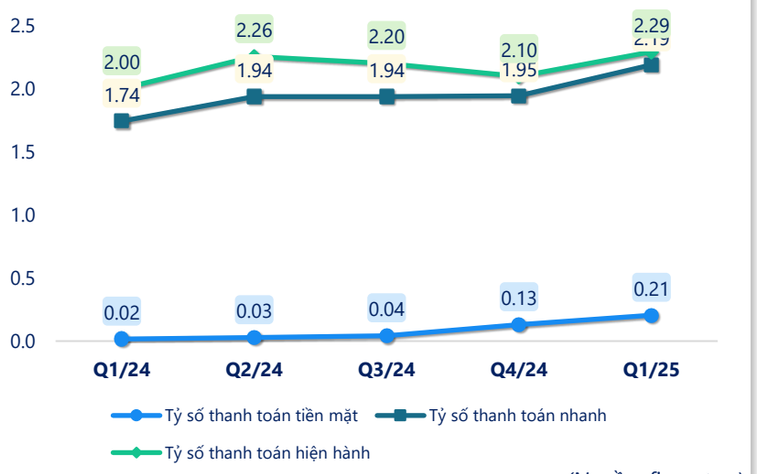
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



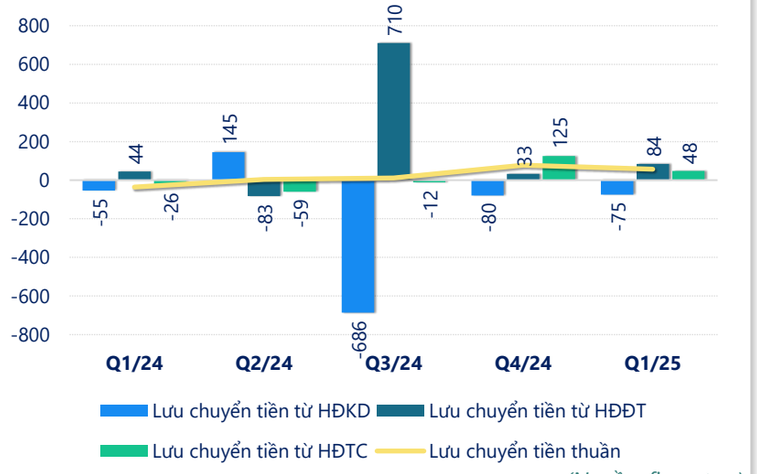
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land (HSX: KHG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,691**	**6,591**	**1.5%**
Tài sản ngắn hạn	1,831	1,726	6.0%
Tiền và tương đương tiền	164	107	53.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.1	21.1	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,558	1,457	6.9%
Hàng tồn kho	82.2	125	-34.2%
Tài sản ngắn hạn khác	5.81	16.5	-64.9%
Tài sản dài hạn	**4,860**	**4,865**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	4,599	4,602	-0.1%
Tài sản cố định	0.35	0.56	-37.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	217	215	0.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**44.4**	**47.5**	**-6.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,456	1,371	6.2%
Nợ ngắn hạn	**798**	**780**	**2.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	424	443	-4.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	19.6	22.1	-11.5%
Nợ dài hạn	657	591	11.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	657	590	11.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,235**	**5,220**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**5,235**	**5,220**	**0.3%**
Vốn điều lệ	4,494	4,494	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	36.7	90.2	69.0	114	100
Giá vốn hàng bán	31.3	80.9	54.3	98.0	79.0
Lợi nhuận gộp	5.48	9.34	14.7	15.9	21.4
Doanh thu HĐTC	64.6	65.2	63.8	59.0	59.1
Chi phí TC	33.8	33.1	31.1	33.2	36.6
Chi phí lãi vay	31.7	30.7	28.2	27.5	30.9
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	13.5	13.1	14.1	12.9	14.0
Chi phí QLDN	6.39	7.89	9.00	9.14	9.98
LN thuần từ HĐKD	16.3	20.5	24.3	19.6	19.9
Lợi nhuận khác	-0.05	0.17	-5.38	-2.64	-0.44
LN trước thuế	16.2	20.7	18.9	17.0	19.4
Lợi nhuận sau thuế	13.0	16.5	14.2	13.0	15.4
LNST của CĐ cty mẹ	13.0	16.5	14.2	13.0	15.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-54.5	145	-686	-79.9	-75.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	44.3	-82.8	710	32.6	83.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-25.6	-59.2	-12.1	125	48.2
Tiền đầu kỳ	50.1	14.3	17.6	29.4	107
Lưu chuyển tiền thuần	**-35.8**	**3.27**	**11.7**	**77.6**	**56.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	14.3	17.6	29.4	107	164

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic